ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 95/2026/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 12 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

2. Người sử dụng đất trồng lúa.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 3. Diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa

1. Diện tích đất để xây dựng công trình

a) Diện tích thửa đất từ 1.000m² đến dưới 3.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 20m².

b) Diện tích thửa đất từ 3.000m² đến dưới 5.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 30m².

c) Diện tích thửa đất từ 5.000m² đến dưới 10.000m² được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50m².

d) Diện tích thửa đất từ 10.000m² trở lên được sử dụng tối đa 1,0% diện tích đất để xây dựng công trình, nhưng không vượt quá 500m^2.

Các công trình xây dựng phải thuộc khu vực đất trồng lúa tập trung có diện tích tối thiểu từ 50 ha, bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Vị trí xây dựng công trình: Được xây dựng ở một hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa đảm bảo quy định tại tiểu mục 2.16.7 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và pháp luật khác có liên quan nhưng tổng diện tích không vượt quá diện tích quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mục đích sử dụng: Để phục vụ các nội dung được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ gồm: công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 5: Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa vi phạm pháp luật thuộc địa bàn quản lý.

3. Người sử dụng đất quy định tại Điều 2 Quyết định này khi có nhu cầu xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa có

trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như khoản 5 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL-BTP;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng Cổng TTĐT, Công báo tỉnh);
- Lưu: VT, 57. KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Quỳnh Thiện